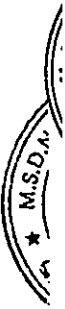




**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	07
Thuyết minh Báo cáo tài chính	08 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Phạm Trường Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Khánh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

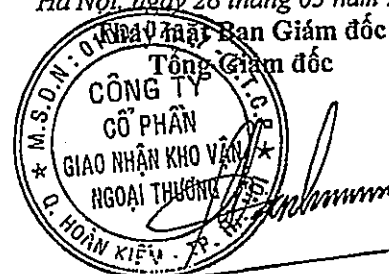
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Văn Khánh



Số: 19032801/BCKT/KTI/ATC  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương, được lập ngày 28/03/2019, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


**Vấn đề nhấn mạnh**

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính rằng: như tại Thuyết minh số V.9, Công ty không tiến hành phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh 9.640.885.037 đồng vào kết quả kinh doanh do giá trị này được xác định có sai sót tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có liên quan để điều chỉnh lại giá trị sổ sách cho phù hợp. Giá trị này tạm thời được ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng



Lê Thanh Công  
Tổng Giám đốc  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0498-2018-047-1  
*Thay mặt và đại diện*

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC**



Tạ Quốc Huy  
Kiểm toán viên  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3651-2016-047-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

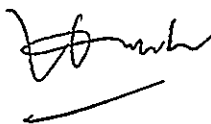
TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>191.070.311.979</b>	<b>228.348.626.709</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>30.407.442.517</b>	<b>103.585.172.328</b>
1. Tiền	111		11.407.442.517	59.519.222.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	44.065.949.708
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>26.300.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	26.300.000.000	2.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>97.243.813.129</b>	<b>100.796.935.074</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	66.190.561.658	59.184.401.582
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.11	13.218.424.059	16.192.109.032
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	17.834.827.412	25.420.424.460
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>35.870.497.319</b>	<b>21.004.683.150</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	35.870.497.319	21.004.683.150
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.248.559.014</b>	<b>961.836.157</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	71.039.290	68.302.846
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1.177.519.724	893.533.311
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>258.183.592.549</b>	<b>263.328.770.735</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>103.375.357.865</b>	<b>107.748.254.796</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	103.252.062.415	107.537.232.074
- Nguyên giá	222		148.388.826.200	148.388.826.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.136.763.785)	(40.851.594.126)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	123.295.450	211.022.722
- Nguyên giá	228		397.747.130	397.747.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(274.451.680)	(186.724.408)
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.980.259.092</b>	<b>2.980.259.092</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	2.980.259.092	2.980.259.092
<b>V- Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>137.658.668.556</b>	<b>137.658.668.556</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.02	35.966.000.000	35.966.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02	101.692.668.556	101.692.668.556
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.169.307.036</b>	<b>14.941.588.291</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	14.169.307.036	14.941.588.291
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>449.253.904.528</b>	<b>491.677.397.444</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

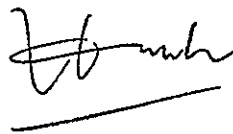
MÃ-SỐ B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>151.201.449.147</b>	<b>197.212.866.531</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.591.449.147</b>	<b>175.951.792.246</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	28.719.682.237	36.368.826.109
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.03	28.750.615.936	54.483.766.164
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.752.337.901	1.890.487.258
4. Phải trả người lao động	314		600.000.000	3.000.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	34.231.163.621	35.799.223.442
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	54.376.105
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	31.306.393.054	42.168.543.952
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	2.402.545.826	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	1.175.000.000	659.645.455
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.653.710.572	1.526.923.761
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.610.000.000</b>	<b>21.261.074.285</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	2.610.000.000	1.261.074.285
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	10.000.000.000	20.000.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>298.052.455.381</b>	<b>294.464.530.913</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>298.052.455.381</b>	<b>294.464.530.913</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	268.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		268.000.000.000	268.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.391.970.212	2.195.683.220
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		901.701.960	901.701.960
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.758.783.209	23.367.145.733
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.680.770.930	4.798.259.634
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.078.012.279	18.568.886.099
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>449.253.904.528</b>	<b>491.677.397.444</b>

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thị Bích Hạnh

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Văn Khánh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	263.412.646.058	259.221.161.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		263.412.646.058	259.221.161.273
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	247.042.982.354	247.075.735.244
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.369.663.704	12.145.426.029
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	13.889.498.847	20.679.162.548
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.739.169.095	2.378.546.930
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.175.035.351</i>	<i>2.229.791.667</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	8.854.030.667	12.488.335.967
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		18.665.962.789	17.957.705.680
11. Thu nhập khác	31	VI.05	412.055.041	772.112.139
12. Chi phí khác	32	VI.06	5.551	160.931.720
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		412.049.490	611.180.419
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		19.078.012.279	18.568.886.099
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		19.078.012.279	18.568.886.099

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Bích Hạnh



Nguyễn Văn Khánh



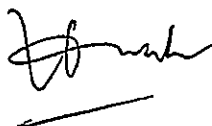
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 03-DN

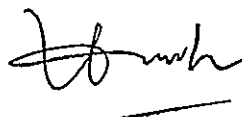
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		315.317.087.927	361.457.166.477
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(323.317.921.352)	(302.206.596.357)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.302.945.819)	(20.754.570.100)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.195.452.018)	(2.240.000.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(615.216.890)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.560.928.009	6.436.374.510
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.409.187.467)	(13.666.811.911)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(36.347.490.720)</b>	<b>28.410.345.729</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(3.117.218.385)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	147.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28.373.463.014)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	2.070.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.085.270.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.638.095.642	17.159.060.516
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.735.367.372)</b>	<b>20.344.384.858</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.402.545.826	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.000.000.000)	(5.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.505.474.335)	(93.678.925)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(26.102.928.509)</b>	<b>(5.093.678.925)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(73.185.786.601)</b>	<b>43.661.051.662</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	103.585.172.328	59.921.230.573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.056.790	2.890.093
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>30.407.442.517</b>	<b>103.585.172.328</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

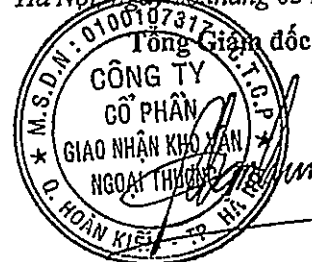
Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thị Bích Hạnh



Nguyễn Văn Khánh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) trước đây là Công ty TNHH MTV Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) chuyển đổi theo Quyết định số 1221/QĐ-BCT ngày 17 tháng 03 năm 2011 của Bộ Công thương, Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100107317 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 15 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: 15 Bis Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 268.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*).

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
<b>Chi nhánh, Xí nghiệp</b>	
Chi nhánh Nghệ An	103 Nguyễn Du, TP. Vinh, Nghệ An
Chi nhánh Nha Trang	21 Trần Quý Cáp, Nha Trang
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	102 Nguyễn Văn Cừ, TP. HCM
Xí nghiệp Dịch vụ xây dựng ngoại thương	15 Bis Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
<b>Công ty con</b>	
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, Hải Phòng
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Miền Nam	23 Hoàng Diệu, TP. HCM
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng
<b>Công ty Liên doanh</b>	
Công ty Liên doanh Bông Sen	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. HCM
Công ty TNHH Logistics Sinovietrans	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. HCM
<b>Công ty liên kết</b>	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans	15 Bis, Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan tới vận tải;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ bán vé máy bay;
- Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hoá;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép các bản ghi các loại;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát;
- Dịch vụ logistics;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Năm sử dụng ước tính

Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 50
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

**Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

*Đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, gồm giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí tiền thuê đất và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với giá trị lợi thế kinh doanh, Công ty không tiến hành phân bổ vào kết quả kinh doanh do giá trị này được xác định có sai sót tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có liên quan để điều chỉnh lại giá trị sổ sách cho phù hợp.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

*Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp sau:*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

*Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng:* làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

***Ngoại tệ***

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí đi vay**

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**Thuế**

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	108.375.684	639.236.766
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.299.066.833	58.879.985.854
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	44.065.949.708
<b>Cộng</b>	<u><u>30.407.442.517</u></u>	<u><u>103.585.172.328</u></u>

*(\*) Các khoản tương đương tương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng.*

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng thương mại và Công ty tài chính có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

*b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	35.966.000.000	-	35.966.000.000	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	27.771.000.000	-	27.771.000.000	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	2.712.000.000	-	2.712.000.000	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương TP.HCM	2.220.000.000	-	2.220.000.000	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	3.263.000.000	-	3.263.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	101.692.668.556	-	101.692.668.556	-
Công ty Liên doanh Bông Sen	96.220.168.556	-	96.220.168.556	-
Công ty TNHH Logistics SinoVietrans	4.972.500.000	-	4.972.500.000	-
Công ty CP Đầu tư XD và XNK Vietrans	500.000.000	-	500.000.000	-

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, TP. Hải Phòng	66,12%	66,12%	Ủy thác XNK, cho thuê kho bãi
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	67,80%	67,80%	Ủy thác XNK, giao nhận
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Miền Nam	23 Hoàng Diệu, TP. Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	57,25%	57,25%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Bông Sen	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. Hồ Chí Minh	61,80%	61,80%	Giao nhận cho thuê kho bãi, vận tải
Công ty TNHH Logistics Sino Vietrans	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa và các dịch vụ khác
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Vietrans	15 Bis, Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	20,00%	20,00%	Xây dựng

3. Công nợ với khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
- Khách hàng là bên liên quan	-	-
- Khách hàng không phải là bên liên quan	66.190.561.658	59.184.401.582
Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Quốc tế	4.101.925.230	-
Công ty cổ phần công nghệ dinh dưỡng Việt Nhật	793.615.002	610.660.501
Công ty TNHH Hầm Rượu Châu á	26.507.818.991	17.805.465.455
CT giao nhận Kho vận ngoại thương hà nội	8.149.697.862	18.149.697.862
Công ty TNHH thương mại Thiên Linh	11.764.396.677	165.336.140
Công ty TNHH Ford Việt Nam	7.370.501.820	4.098.365.920
Công ty TNHH Toyota Giken Việt Nam	998.512.730	403.541.703
Chi nhánh công ty TNHH Hầm Rượu Châu á tại thành phố Hồ Chí Minh	740.970.020	726.766.782
Trường Trung học Phổ thông Quốc tế Mỹ	-	6.662.324.806
Trường Đại Học Y Hà Nội	-	1.947.807.840
TC Gói thầu số 1 (EPC) TKCC TBVT&XLDADS đô thị HN tuyến Cát Linh Hà Đông	-	1.350.830.250
Đối tượng khác	5.763.123.326	7.263.604.323
<b>Cộng</b>	<b>66.190.561.658</b>	<b>59.184.401.582</b>
<i>b) Khách hàng trả trước ngắn hạn</i>		
- Khách hàng là bên liên quan	-	-
- Khách hàng không phải là bên liên quan	28.750.615.936	54.483.766.164
Ban Quản lý Dự án công trình y tế	21.360.670.338	36.092.092.934
Công ty Cổ Phần tư vấn thiết kế xây dựng và thương mại Đức Long	718.521.300	718.521.300
Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	2.039.337.701	3.414.145.701
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2.971.134.749	7.094.545.295
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng Việt Nam	1.280.201.757	6.652.919.001
Đối tượng khác	380.750.091	511.541.933
<b>Cộng</b>	<b>28.750.615.936</b>	<b>54.483.766.164</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU-SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	501.122.000	500.000.000
Tạm ứng của người lao động	13.167.091.203	19.620.723.783
Phải thu cổ tức của Công ty Cổ Phần Giao nhận kho vận ngoại thương Miền Nam	666.000.000	355.200.000
Phải thu cổ tức của Công ty Cổ Phần giao nhận kho vận Ngoại Thương Đà Nẵng	914.806.534	707.279.734
Phải thu lợi nhuận của Công ty liên doanh bông sen	348.129.720	1.150.709.240
Phải thu khác	2.237.677.955	3.086.511.703
<b>Cộng</b>	<b>17.834.827.412</b>	<b>25.420.424.460</b>

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	29.286.583.921	-	13.002.785.512	-
Hàng hóa;	6.583.913.398	-	8.001.897.638	-
<b>Cộng</b>	<b>35.870.497.319</b>	<b>-</b>	<b>21.004.683.150</b>	<b>-</b>

**6. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng văn phòng ở Cầu Giấy	472.199.091	472.199.091
Xây nhà ở cho CBCNV tại Pháp Vân	2.508.060.001	2.508.060.001
<b>Cộng</b>	<b>2.980.259.092</b>	<b>2.980.259.092</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

MÃ SỐ B 09-DN

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị: VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2018	144.946.016.950	2.445.121.226	997.688.024	148.388.826.200	
Tăng trong năm	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2018	144.946.016.950	2.445.121.226	997.688.024	148.388.826.200	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2018	38.903.079.022	1.015.580.535	932.934.569	40.851.594.126	
Tăng trong năm	4.045.536.923	201.693.288	37.939.448	4.285.169.659	
Khấu hao trong năm	4.045.536.923	201.693.288	37.939.448	4.285.169.659	
Giảm trong năm	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2018	42.948.615.945	1.217.273.823	970.874.017	45.136.763.785	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2018	106.042.937.928	1.429.540.691	64.753.455	107.537.232.074	
Tại 31/12/2018	101.997.401.005	1.227.847.403	26.814.007	103.252.062.415	

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 3.932.648.134 VND, tại ngày 01/01/2018 là 2.023.107.407 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2018	397.747.130	397.747.130
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>397.747.130</u>	<u>397.747.130</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2018	186.724.408	186.724.408
Tăng trong kỳ	87.727.272	87.727.272
Khấu hao trong kỳ	87.727.272	87.727.272
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>274.451.680</u>	<u>274.451.680</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2018	<u>211.022.722</u>	<u>211.022.722</u>
Tại 31/12/2018	<u>123.295.450</u>	<u>123.295.450</u>

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	71.039.290	68.302.846
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	71.039.290	50.319.610
Chi phí sửa chữa	-	17.983.236
<b>b) Dài hạn</b>	14.169.307.036	14.941.588.291
Chi phí lợi thế kinh doanh (i)	9.640.885.037	9.640.885.037
Tiền thuê đất	177.777.760	222.222.208
Tiền thuê đất VP. Hồ Chí Minh chờ phân bổ	4.027.974.029	4.351.271.131
Chi phí CCDC chờ phân bổ	52.335.695	271.782.643
Chi phí sửa chữa	270.334.515	455.427.272

(i) Công ty không tiến hành phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh 9.640.885.037 đồng vào kết quả kinh doanh do giá trị này được xác định có sai sót tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có liên quan để điều chỉnh lại giá trị sổ sách cho phù hợp.

**10. Vay và nợ thuê tài chính**

**a) Ngắn hạn**

Là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, thời hạn vay tối đa 6 tháng, lãi suất 7,3%/năm.

**b) Dài hạn**

Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hình thức vay thế chấp. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Văn phòng làm việc tại số 15 Bis phố Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội bao gồm tài sản gắn liền với đất, quyền tài sản phát sinh từ Dự án, quyền tài sản phát sinh từ các giao dịch nhằm kinh doanh, khai thác Dự án. Dự án công trình văn phòng làm việc tại số 15 Bis Lý Nam Đế đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**11. Công nợ với nhà cung cấp**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
- Nhà cung cấp là bên liên quan	-	-
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	28.719.682.237	36.368.826.109
Cty TNHH Long Anh	902.184.808	-
Công ty CP thương mại du lịch Loan Anh	1.293.867.000	-
Công ty TNHH kinh doanh thương mại Mai Thành Anh	2.931.068.215	-
Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp á Châu	2.076.190.472	5.842.861.766
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hợp Lực Thăng Long	924.533.496	-
Ông Phạm Ngọc Đam	1.197.332.710	-
Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Phạm Gia	-	1.148.610.000
Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật An Bình	413.822.200	1.847.016.700
Đối tượng khác	18.980.683.336	27.530.337.643
<b>Cộng</b>	<b>28.719.682.237</b>	<b>36.368.826.109</b>
<b>b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
- Nhà cung cấp là bên liên quan	-	-
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	13.218.424.059	16.192.109.032
Công ty TNHH Ford Việt Nam	5.560.104.349	6.154.653.603
Công ty CP đầu tư và xây dựng thương mại Thăng Long	689.085.400	-
Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu thương mại và xây dựng Bốn Hậu	610.937.109	-
Công ty CP giải pháp công nghệ tòa nhà An Thành	1.777.637.896	-
Công ty cổ phần kỹ thuật Hà Nội	1.767.447.163	-
Công ty TNHH XNK hàng tiêu dùng Việt Nam	-	6.633.114.149
Công ty cổ phần Great Việt Nam	-	713.090.400
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hợp Lực Thăng Long	-	700.000.000
Đối tượng khác	2.813.212.142	1.991.250.880
<b>Cộng</b>	<b>13.218.424.059</b>	<b>16.192.109.032</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị: VND			
	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT - CNNA	11.286.749	39.283.909	47.655.035	2.915.623
Thuế TTĐB	216.349.340	94.888.210.954	94.643.136.214	461.424.080
Thuế XNK	-	44.103.581.722	44.103.581.722	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	646.831.580	17.967.513.688	13.326.347.070	5.287.998.198
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>874.467.669</b>	<b>157.003.590.273</b>	<b>152.125.720.041</b>	<b>5.752.337.901</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT - XNXD	45.873.608	-	-	45.873.608
Thuế GTGT - VPHN (i)	(601.589.673)	30.285.582.601	31.012.809.878	125.637.604
Thuế TNDN	847.659.703	-	-	847.659.703
Thuế TNCN (ii)	(414.429.916)	449.019.900	1.021.798.625	158.348.809
<b>Cộng</b>	<b>(122.486.278)</b>	<b>30.734.602.501</b>	<b>32.034.608.503</b>	<b>1.177.519.724</b>

(\*) Số liệu tại thời điểm đầu năm được trình bày tại chi tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	20.416.667	40.833.334
Các khoản trích trước tạm tính của chi phí sản xuất kinh doanh	33.756.149.701	24.832.615.526
Trích trước chi phí công trình	454.597.253	3.890.608.635
Trích trước chi phí tiền thuê đất	-	7.035.165.947
<b>Cộng</b>	<b>34.231.163.621</b>	<b>35.799.223.442</b>

**14. Các khoản phải trả khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	160.400.628	209.395.859
Bảo hiểm xã hội	198.006.931	120.231.356
Bảo hiểm y tế	22.052.744	1.809.753
Bảo hiểm thất nghiệp	9.801.268	5.102.852
Phải trả về cổ phần hoá	2.757.809.125	2.757.809.125
Cổ tức phải trả cho cổ đông	10.662.640.000	18.488.101.075
Xí nghiệp dịch vụ Xây dựng Ngoại thương - Công nợ phải trả nội bộ xí nghiệp hạch toán phụ thuộc	8.130.365.493	18.149.706.537
Phải trả khác của Văn phòng Hà Nội	7.636.711.995	639.707.022
Phải trả khác của Chi nhánh Nghệ An	59.569.072	48.580.627
Phải trả khác của Chi nhánh Nha Trang	28.530.590	28.530.590
Phải trả khác của Xí nghiệp Dịch vụ Xây dựng	319.341.044	300.000.000
Các khoản dự chi	1.321.164.164	1.419.569.156
<b>Cộng</b>	<b>31.306.393.054</b>	<b>42.168.543.952</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.610.000.000	1.261.074.285
<b>Cộng</b>	<b>2.610.000.000</b>	<b>1.261.074.285</b>

**15. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;</b>		
Cải tạo, nâng cấp BV Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí - GD 2 XL01	150.000.000	150.000.000
Cải tạo nhà O,P,W - BV Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí XL06	65.000.000	25.000.000
Công trình A10-Học viện CTQG HCM	-	104.645.455
Cung cấp, lắp đặt điều hòa GD 2 - BV Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí TB03	180.000.000	180.000.000
Thí công nhà EJUNKML - BV Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí XL05	270.000.000	100.000.000
Cải tạo hội trường A4 - ĐHY Hà Nội	-	100.000.000
Học viện báo chí và tuyên truyền A5	260.000.000	-
Xây dựng viện pháp y tâm thần	250.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.175.000.000</b>	<b>659.645.455</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	268.000.000.000	1.125.373.068	442.997.609	27.470.218.971	297.038.589.648
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.568.886.099	18.568.886.099
Trích lập các quỹ	-	1.070.310.152	458.704.351	(3.669.634.807)	(2.140.620.304)
Trả cổ tức	-	-	-	(18.581.780.000)	(18.581.780.000)
Giảm khác	-	-	-	(420.544.530)	(420.544.530)
Số dư cuối năm trước	268.000.000.000	2.195.683.220	901.701.960	23.367.145.733	294.464.530.913
Lãi trong năm nay	-	-	-	19.078.012.279	19.078.012.279
Trích lập các quỹ	-	5.196.286.992	-	(9.966.374.803)	(4.770.087.811)
Trả cổ tức	-	-	-	(10.720.000.000)	(10.720.000.000)
Số dư cuối năm nay	268.000.000.000	7.391.970.212	901.701.960	21.758.783.209	298.052.455.381



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	266.566.000.000	266.566.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	1.434.000.000	1.434.000.000
<b>Cộng</b>	<b>268.000.000.000</b>	<b>268.000.000.000</b>

**c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	268.000.000.000	268.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	268.000.000.000	268.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.800.000	26.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	26.800.000	26.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.800.000	26.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	26.800.000	26.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại		
- USD	3.988,92	6.355,88
- EUR	3.854,11	592,80
- JPY	33.000,00	33.000,00

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	139.089.424.488	81.519.888.434
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.808.877.972	112.731.780.532
Doanh thu hợp đồng xây dựng	48.514.343.598	64.969.492.307
<b>Cộng</b>	<b>263.412.646.058</b>	<b>259.221.161.273</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	134.885.704.854	81.679.741.693
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.023.311.729	102.207.009.792
Giá vốn hợp đồng xây dựng	46.133.965.771	63.188.983.759
<b>Cộng</b>	<b>247.042.982.354</b>	<b>247.075.735.244</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.573.905.642	1.797.192.674
Lãi bán khoản đầu tư	-	3.607.730.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.314.937.280	15.197.567.240
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	655.925	76.671.590
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.044
<b>Cộng</b>	<b>13.889.498.847</b>	<b>20.679.162.548</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	1.175.035.351	2.229.791.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.530.210.590	81.293.477
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	33.923.154	67.461.775
Chi phí tài chính khác	-	11
<b>Cộng</b>	<b>2.739.169.095</b>	<b>2.378.546.930</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	147.272.727
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	147.272.727
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	299.695.455	490.000.000
Các khoản khác	112.359.586	134.839.412
<b>Cộng</b>	<b>412.055.041</b>	<b>772.112.139</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	131.815.942
Các khoản khác	5.551	29.115.778
<b>Cộng</b>	<b>5.551</b>	<b>160.931.720</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đượ đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.201.295.349	4.520.867.828
Chi phí khấu hao TSCĐ	255.710.288	210.191.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.612.631.096	2.127.825.907
Các khoản bằng tiền khác	2.784.393.934	5.629.450.291
<b>Cộng</b>	<b>8.854.030.667</b>	<b>12.488.335.967</b>

**8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	19.078.012.279	18.568.886.099
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		-
Cộng : Các khoản chi phí không đượ khấu trừ	254.005.551	697.931.720
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>19.332.017.830</b>	<b>19.266.817.819</b>
Trừ:	(19.332.017.830)	(19.266.817.819)
- Thu nhập miễn thuế	(11.314.937.280)	(15.197.567.240)
- Các khoản lỗ đượ kết chuyển	(8.017.080.550)	(4.069.250.579)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi đượ điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Ngoài các thông tin đã đượ thuyết minh ở các phần nêu trên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty còn phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	Công ty con	Cổ tức đượ chia	3.610.230.000
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	Công ty con	Cổ tức đượ chia	122.040.000
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương TP.HCM	Công ty con	Cổ tức đượ chia	310.800.000
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức đượ chia	207.526.800
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty liên doanh	Lợi nhuận đượ chia	5.232.420.480
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc		Thu nhập trong năm	1.022.625.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư VND
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương TP.HCM	Công ty con	Phải thu cổ tức	666.000.000
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu cổ tức và phải thu khác	1.054.716.322
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty liên doanh	Phải thu cổ tức	348.129.720

**3. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực Logistics và xây dựng tại Việt Nam, trụ sở Công ty đặt trên địa bàn thành phố Hà Nội. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**4. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát được thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Tài chính – kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.407.442.517	-	30.407.442.517
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.025.389.070	-	84.025.389.070
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.300.000.000	-	26.300.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	137.658.668.556	137.658.668.556
<b>Cộng</b>	<b>140.732.831.587</b>	<b>137.658.668.556</b>	<b>278.391.500.143</b>
<b>31/12/2018</b>			
Các khoản vay	2.402.545.826	10.000.000.000	12.402.545.826
Phải trả người bán và phải trả khác	66.854.785.863	2.610.000.000	69.464.785.863
Chi phí phải trả	34.231.163.621	-	34.231.163.621
<b>Cộng</b>	<b>103.488.495.310</b>	<b>12.610.000.000</b>	<b>116.098.495.310</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>37.244.336.277</b>	<b>125.048.668.556</b>	<b>162.293.004.833</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.585.172.328	-	103.585.172.328
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.604.826.042	-	84.604.826.042
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	137.658.668.556	137.658.668.556
<b>Cộng</b>	<b>190.189.998.370</b>	<b>137.658.668.556</b>	<b>327.848.666.926</b>
<b>01/01/2018</b>			
Các khoản vay	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	80.723.939.277	1.261.074.285	81.985.013.562
Chi phí phải trả	35.799.223.442	-	35.799.223.442
<b>Cộng</b>	<b>116.523.162.719</b>	<b>21.261.074.285</b>	<b>137.784.237.004</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>73.666.835.651</b>	<b>116.397.594.271</b>	<b>190.064.429.922</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.407.442.517	103.585.172.328
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.025.389.070	84.604.826.042
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.300.000.000	2.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	137.658.668.556	137.658.668.556
<b>Cộng</b>	<b>278.391.500.143</b>	<b>327.848.666.926</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	12.402.545.826	20.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.464.785.863	81.985.013.562
Chi phí phải trả	34.231.163.621	35.799.223.442
<b>Cộng</b>	<b>116.098.495.310</b>	<b>137.784.237.004</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

**7. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Bích Hạnh

Nguyễn Văn Khánh